

TRƯỜNG THPT RẠCH KIẾN
TỔ VẬT LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CẤU TRÚC MA TRẬN BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - MÔN VẬT LÝ 10
(Năm học 2025 – 2026)

I – CUỐI KÌ 1 – VẬT LÝ 10

A – CẤU TRÚC MA TRẬN:

- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Hình thức kiểm tra:
 - + Gồm: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm); Trắc nghiệm đúng sai (2 điểm); Trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm); Tự luận (3 điểm).
 - + Nội dung: Chương 1,2,3,4
 - + Mức độ đề: 40% Nhận biết, 30% Thông hiểu, 30% Vận dụng.

TT	Chương	Nội dung kiến thức	Mức độ đánh giá/Số lệnh hỏi											ĐỀ GỐC				
			TNKQ									Tự luận		Tổng số câu				
			Nhiều lựa chọn			Đúng-Sai			Trả lời ngắn									
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	Trắc nghiệm			Tự luận
												NLC	Đ-S	TLN				
1	Chương 1: Mở đầu	Bài 1: Khái quát về môn Vật lý (2 tiết)	1												Câu 1			
		Bài 2: Vấn đề an toàn trong Vật lý (1 tiết)	1												Câu 2			
		Bài 3: Đơn vị và sai số trong Vật lý (3 tiết)	1												Câu 3			
2	Chương 2: Mô tả chuyển động	Bài 4: Chuyển động thẳng (4 tiết)	1						1			1	1		Câu 4		Câu 1	Câu 1
		Bài 5: Chuyển động tổng hợp (2 tiết)			1					1		1			Câu 5		Câu 2	
		Bài 6: Thực hành đo tốc độ của vật chuyển động thẳng (1 tiết)	1												Câu 6			
	Chương 3: Chuyển động biến đổi	Bài 7: Gia tốc – Chuyển động thẳng biến đổi đều (4 tiết)	1	1						1		1	1		Câu 7,8		Câu 3	Câu 2
		Bài 8: Thực hành đo gia tốc rơi tự do (1 tiết)	1												Câu 9			

3		Bài 9: Chuyển động ném (2 tiết)				1	1	2			1					Câu 1	Câu 4	
4	Chương 4: Ba định luật Niuton. Một số lực trong thực tiễn	Bài 10: Ba định luật Niuton (4 tiết)	1		1								1	1	Câu 10,11			Câu 3
		Bài 11: Một số lực trong thực tiễn (4 tiết)		1		1	1	2							Câu 12	Câu 2		
Tổng			8	2	2	2	2	4	1	2	1	2	3	1	12	2	4	3
			12x0,25			8x0,25			4x0,5			6x0,5						
Tổng số điểm			3			2			2			3						
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			30%						

- **Dạng Đề Gốc:** Gồm 4 phần

PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm) Gồm 12 câu, 12 lệnh hỏi, mỗi câu chỉ 1 lệnh hỏi: 12 câu Lý thuyết (8NB + 2TH + 2VD)
Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

PHẦN II: Trắc nghiệm đúng sai (2 điểm) Gồm 2 câu, 8 lệnh hỏi, mỗi câu 4 lệnh hỏi: 4 câu Lý thuyết (2NB+2TH) + 4 câu Bài tập (4VD)
Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a),b),c),d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm;

Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm;

Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,75 điểm;

Học sinh chỉ lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu 1: Chuyển động ném

a) (NB): Lý thuyết

b) (TH): Lý thuyết

c) (VD): Bài tập

d) (VD): Bài tập

Câu 2: Một số lực trong thực tiễn

a) (NB): Lý thuyết

b) (TH): Lý thuyết

c) (VD): Bài tập

d) (VD): Bài tập

PHẦN III: Trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm) Gồm 4 câu, 4 lệnh hỏi, mỗi câu chỉ 1 lệnh hỏi: 4 câu Bài tập (1NB+2TH+1VD)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu 1 (NB): Chuyển động thẳng

Câu 2 (TH): Chuyển động tổng hợp

Câu 3 (TH): Gia tốc – Chuyển động thẳng biến đổi đều

Câu 4 (VD): Ba định luật Niuton

PHẦN IV: Tự luận (3 điểm) Gồm 3 câu, mỗi câu 2 ý, mỗi ý 1 lệnh hỏi: 6 lệnh hỏi: 2 câu Lý thuyết (2NB) + 4 câu Bài tập (2TH+2VD)

Học sinh làm bài từ câu 1 đến câu 3. Mỗi câu làm bài đúng được 1 điểm.

Câu 1: Chuyển động thẳng đều

a)(0,5 điểm): (NB) Bài tập

b)(0,5 điểm): (TH) Bài tập

Câu 2: Chuyển động thẳng biến đổi đều

a)(0,5 điểm): (NB) Bài tập

b)(0,5 điểm): (TH) Bài tập

Câu 3: Ba định luật Niuton

a)(0,5 điểm): (TH) Bài tập

b)(0,5 điểm): (VD) Bài tập

B – NỘI DUNG KIẾN THỨC:

1. LÝ THUYẾT: Học sinh học trong tập bài học, sgk, tài liệu, mạng xã hội...

2. BÀI TẬP:

Chương 2. Mô tả chuyển động

Bài: Chuyển động thẳng đều Vận dụng các công thức/tính chất về chuyển động thẳng, chuyển động thẳng đều để tính toán một trong các đại lượng/dạng toán sau:

- Vận tốc trung bình, Tốc độ trung bình của vật
- Độ dịch chuyển của vật, Quãng đường vật đi được
- Thời gian chuyển động
- Vận dụng được đồ thị tọa độ - thời gian, vận tốc – thời gian
- Viết phương trình chuyển động; Vẽ đồ thị tọa độ - thời gian
- Bài toán thực tế liên quan.

Bài: Chuyển động tổng hợp Vận dụng các công thức/tính chất về chuyển động tổng hợp để tính toán một trong các đại lượng/ dạng toán sau:

- Vận tốc tuyệt đối, vận tốc tương đối, vận tốc kéo theo: khi vận tốc tương đối cùng phương, cùng chiều với vận tốc kéo theo; khi vận tốc tương đối cùng phương, ngược chiều với vận tốc kéo theo
- Bài toán thực tế liên quan.

Chương 3. Chuyển động biến đổi

Bài: Gia tốc – Chuyển động biến đổi đều Vận dụng các công thức/tính chất về chuyển động có gia tốc, chuyển động thẳng biến đổi đều để tính toán hai trong số các đại lượng/ dạng toán sau:

- Gia tốc của vật
- Vận tốc của vật
- Quãng đường đi, Độ dịch chuyển
- Thời gian chuyển động

- Vận dụng được đồ thị vận tốc – thời gian, gia tốc – thời gian
- Vẽ đồ thị gia tốc - thời gian, vận tốc - thời gian
- Bài toán thực tế liên quan.

Bài: Chuyển động ném Vận dụng các công thức/tính chất chuyển động ném ngang để tính toán một trong các đại lượng/dạng toán sau:

- Viết phương trình chuyển động của vật theo trục Ox, Oy
- Viết phương trình quỹ đạo của vật
- Xác định thời gian vật chạm đất; Xác định độ cao khi ném; Xác định vận tốc ban đầu khi ném; Xác định tầm bay xa của vật; Xác định vận tốc ngay khi chạm đất của vật
- Bài toán thực tế liên quan.

Chương 4. Ba định luật Newton. Một số lực trong thực tiễn

Bài: Ba định luật Newton Vận dụng các kiến thức về 3 định luật Newton để tính toán hai trong số các đại lượng/dạng toán sau:

- Gia tốc của vật
- Lực tác dụng lên vật theo một phương chuyển động
- Kết hợp định luật II Newton với chuyển động thẳng biến đổi đều
- Bài toán thực tế liên quan.

Bài: Một số lực trong thực tiễn Vận dụng kiến thức về một số lực trong thực tiễn để tính toán một trong các đại lượng/dạng toán sau:

- Trọng lực; Lực ma sát; Lực căng sợi dây (*theo phương thẳng đứng*); Lực đẩy Acsimet
- Bài toán thực tế liên quan.

Duyệt của lãnh đạo trường
Phó hiệu trưởng

Duyệt của tổ chuyên môn
Tổ trưởng

Hồ Phú Triệu

Hàn Văn Hưng